

Bản án số: **1181/2017/HNGĐ-PT**

Ngày: 21-12-2017

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung.

Bà Châu Thị Điệp

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 138/2017/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 439/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2780/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Ngọc B**, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: Số B Đường C, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số E Đường G, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)
- *Bị đơn:* Ông **Hồng Ngọc C**, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: Số B Đường C, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Hồng Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Ngọc B trình bày như sau:

Bà và ông Hồng Ngọc C tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 4 năm 1997. Sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc, đến khoảng năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do ông C là người gia trưởng, hay ghen tuông vô cớ. Ông C không chăm lo cho gia đình, thường xuyên bài bạc gây ra nợ nần. Từ năm 2014 đến nay bà đã dọn ra khỏi nhà và sống ly thân với ông C. Vào tháng 6 năm 2016, bà đã từng khởi kiện vụ án ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội đoàn tụ gia đình mà không có kết quả. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Hồng Ngọc C.

Về con chung: Giữa bà và ông Hồng Ngọc C có 02 con chung là Hồng Bảo N và Hồng Bảo Ng cùng sinh ngày 18 tháng 8 năm 1999, đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Hồng Ngọc C trình bày như sau:

Ông đồng ý với nội dung bà B trình bày về quan hệ hôn nhân và về con chung. Bà B trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông không chí thú làm ăn, gây nợ nần và thiếu trách nhiệm với gia đình là không đúng. Ông và bà B thỏa thuận làm thủ tục ly hôn giả để cho bà B cùng các con xuất cảnh định cư ở nước ngoài. Mặc dù xác định bà B không còn tình cảm với ông, hai người đã sống ly thân trong thời gian dài nhưng vì mong muốn không để các con bị ảnh hưởng về tâm lý nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 439/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 226, Điều 228, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc B được ly hôn ông Hồng Ngọc C.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2017, bị đơn ông Hồng Ngọc C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với lý do tại tòa án cấp sơ thẩm, mọi lời khai và chứng cứ ông đưa ra đều không được xem xét; ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Ngọc B, việc bà B khởi kiện yêu cầu ly hôn nhằm mục đích hoàn tất thủ tục xuất cảnh ra nước ngoài định cư. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, xác định kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông không đồng ý ly hôn, bà B khởi kiện ly hôn chỉ là giả tạo. Mặc dù biết bà B không còn tình cảm với mình nhưng ông yêu cầu có thêm thời gian để hòa giải đoàn tụ gia đình, để các con chung ổn định tâm lý học tập tốt.

Nguyên đơn bà Trần Ngọc B không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn với lý do bà kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông C, hiện tại vợ chồng bà không còn tình cảm, thực tế hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Hiện tại, nguyên đơn bà Trần Ngọc B và bị đơn ông Hồng Ngọc C đều thừa nhận hai người đã không còn chung sống trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn đoàn tụ. Ông C kháng cáo không đồng ý ly hôn với lý do mong muốn các con chung có thể ổn định tâm lý học tập, không xuất phát từ mục đích hàn gắn, xây dựng gia đình hạnh phúc; Tòa sơ thẩm giải quyết cho ly hôn là có cơ sở, cần bác kháng cáo của bị đơn ông Hồng Ngọc C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hồng Ngọc C làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồng Ngọc C, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Bà Trần Ngọc B và ông Hồng Ngọc C tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01 ngày 10 tháng 4 năm 1997 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Các con chung đều đã trưởng thành.

Bà B trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ năm 2007, ông C là người thiếu trách nhiệm, không đóng góp vào kinh tế gia đình, hai người đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hồng Ngọc C, không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung và tài sản. Tòa sơ thẩm nhận định cuộc sống hôn nhân giữa bà B và ông C không hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ; từ đó, giải quyết cho ly hôn.

Bị đơn ông Hồng Ngọc C không đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông không chí thú làm ăn, không có trách nhiệm trong gia đình. Bà B khởi kiện yêu cầu ly hôn chỉ để thực hiện thủ tục xuất cảnh định cư ở nước ngoài và có hành vi ngoại tình. Mặc dù bị đơn ông Hồng Ngọc C xác định vợ chồng ông đã không còn tình cảm nhưng ông không đồng ý ly hôn, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét, nguyên đơn bà Trần Ngọc B và bị đơn ông Hồng Ngọc C đã không còn chung sống trong một thời gian dài; ông Phát trình bày bà B không chung thủy, mặc dù không cung cấp được chứng cứ chứng minh nhưng cũng thể hiện vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông C khẳng định việc bà B khởi kiện ly hôn là để hoàn tất thủ tục xuất cảnh đi định cư ở nước ngoài nhưng ngoài lời trình bày thì ông C không có bất kỳ văn bản, tài liệu nào thể hiện điều này. Mặt khác, ông C thừa

nhận mình đã không còn tình cảm với bà B, ông không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được lí do phù hợp cũng như phương án cụ thể để hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Do đó, Tòa án nhân dân Quận A chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc B là có cơ sở, cần bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồng Ngọc C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Hồng Ngọc C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm như luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn ông Hồng Ngọc C vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồng Ngọc C, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 439/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc B:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc B được ly hôn ông Hồng Ngọc C. Giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 4 năm 1997 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giữa bà Trần Ngọc B và ông Hồng Ngọc C có 02 con chung là Hồng Bảo N và Hồng Bảo Ng cùng sinh ngày 18 tháng 8 năm 1999, các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 07805 ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Hồng Ngọc C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005627 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Quận A, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận A, Tp. HCM;
- UBND Phường D, Quận A, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn